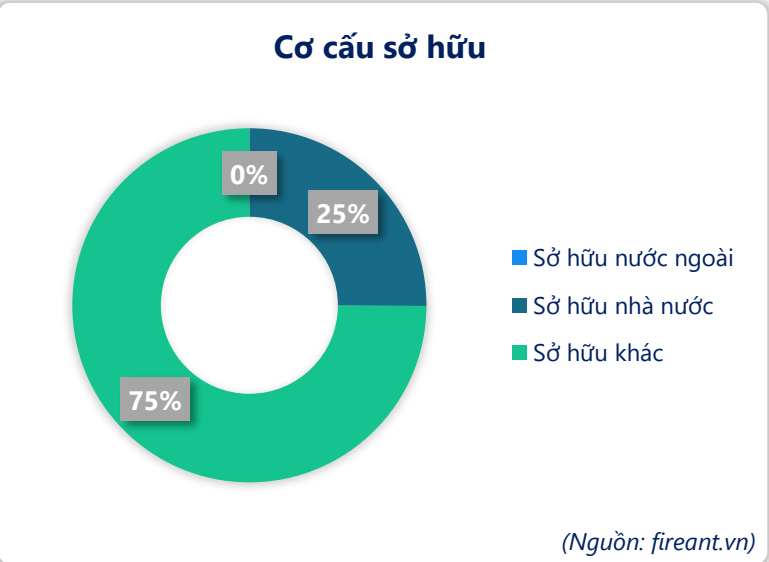
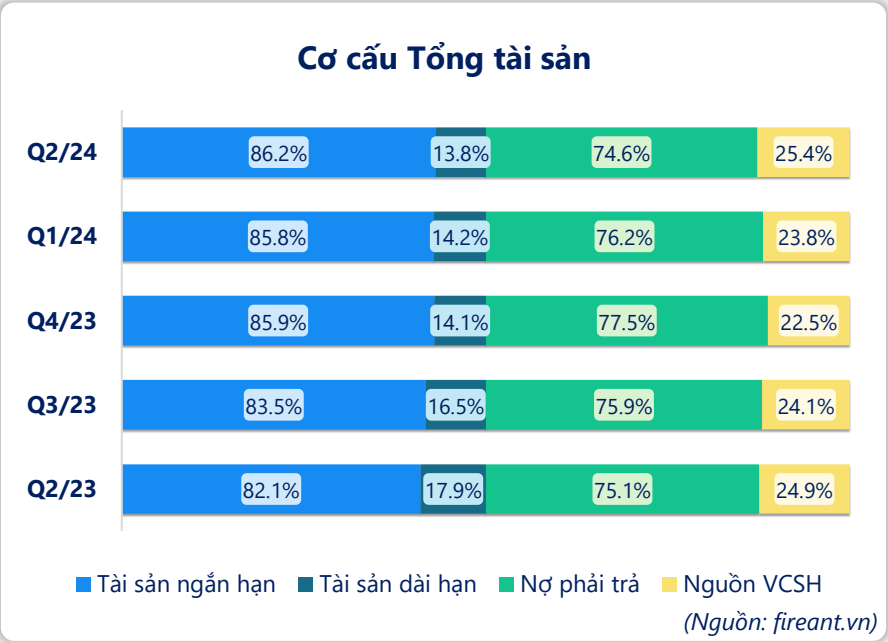
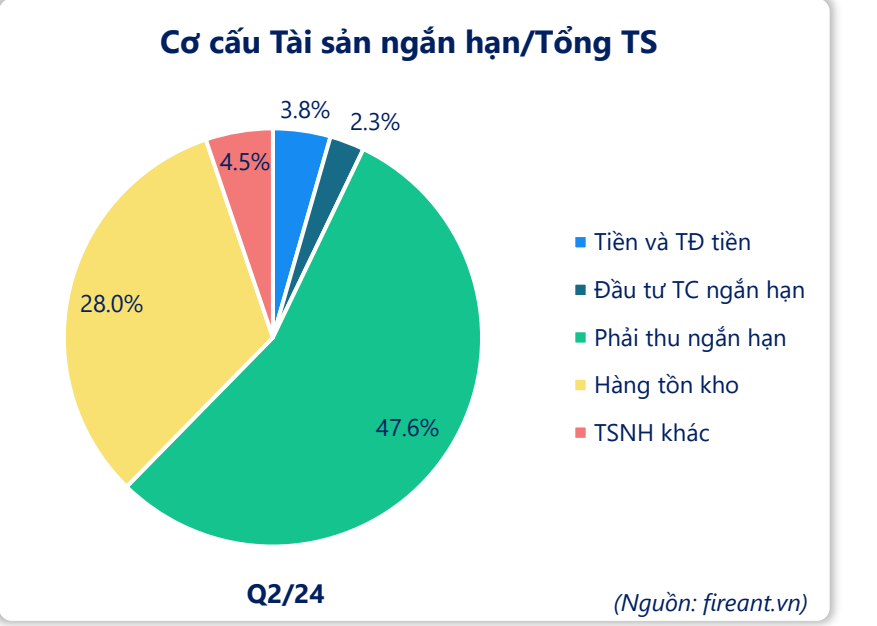
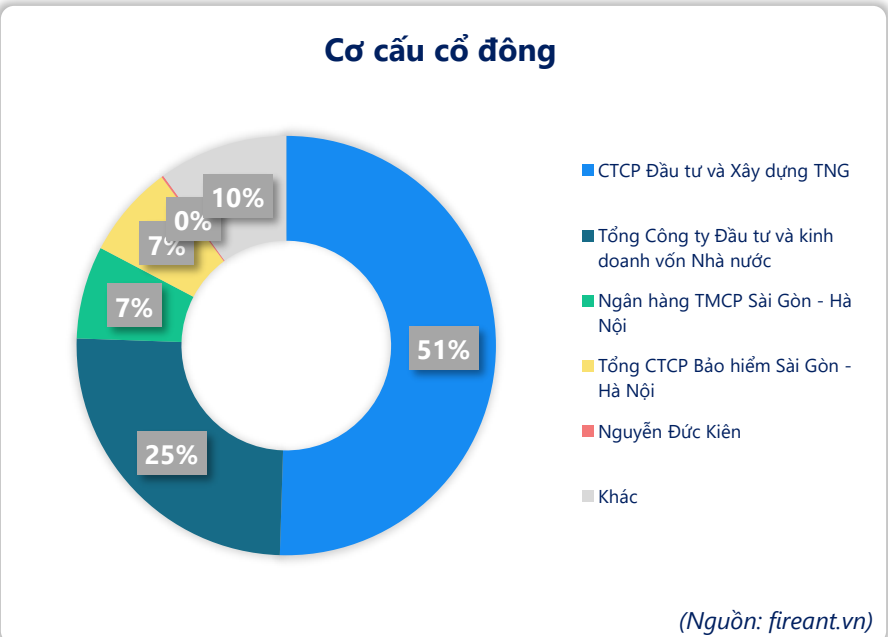
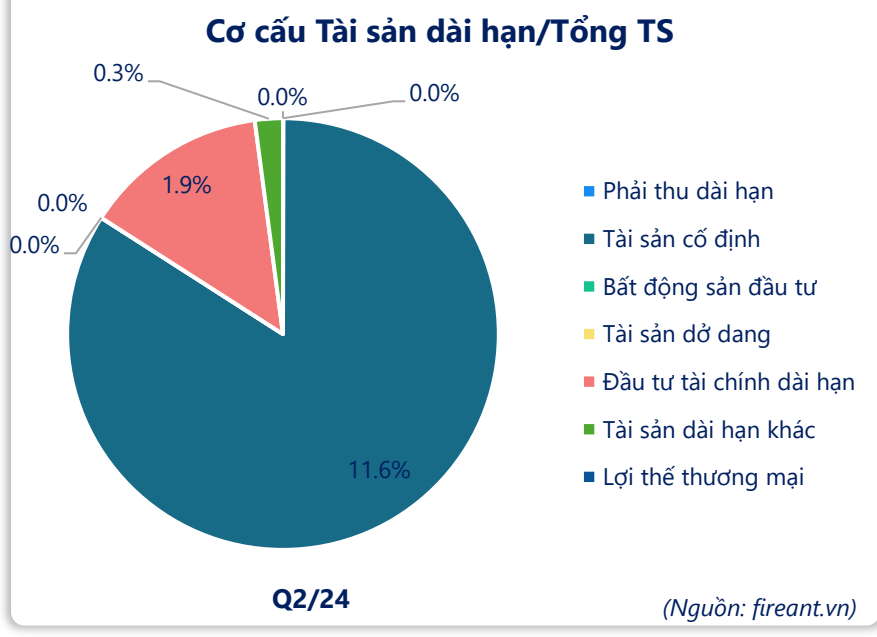
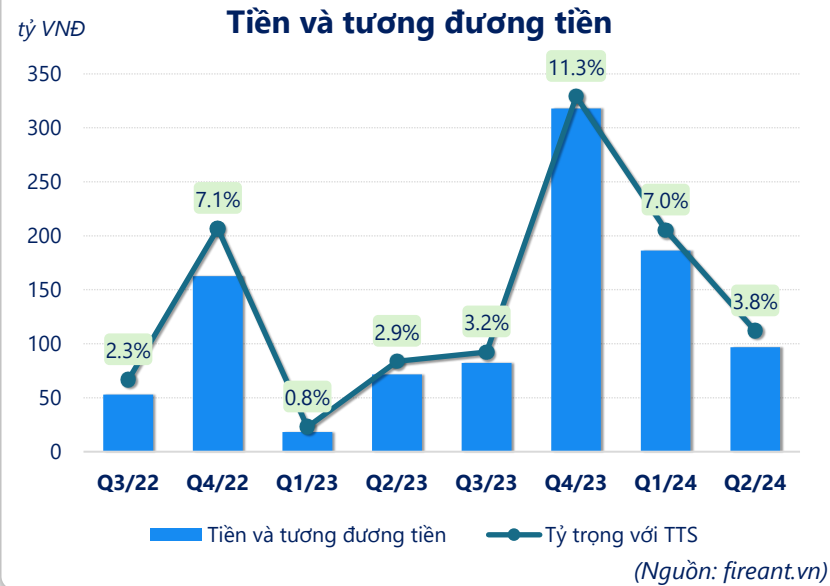
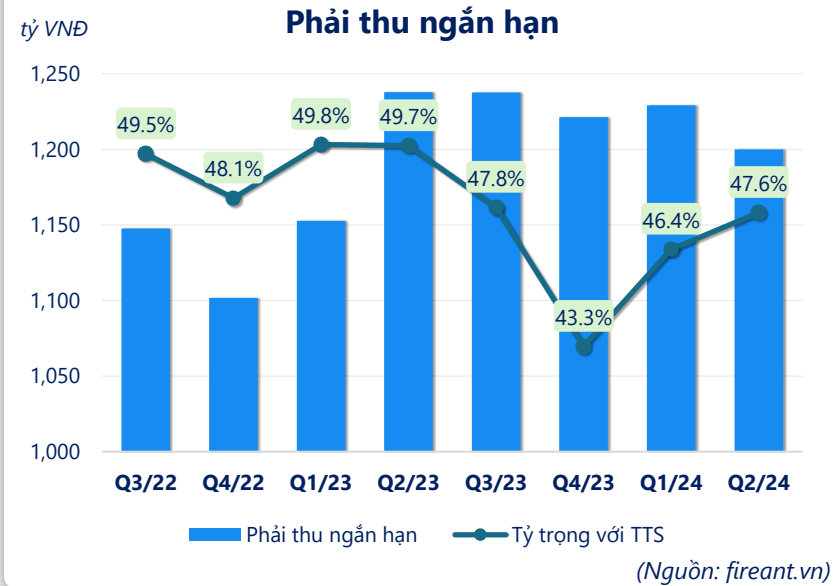
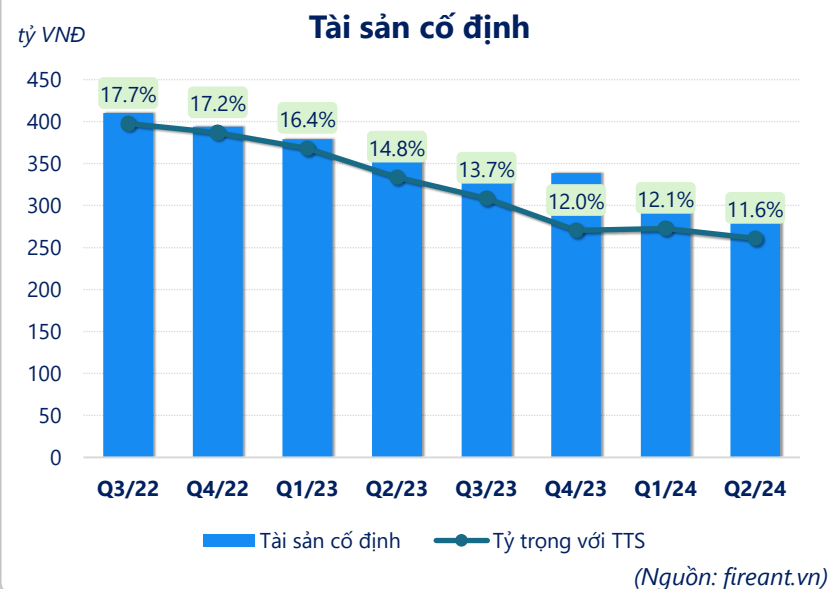
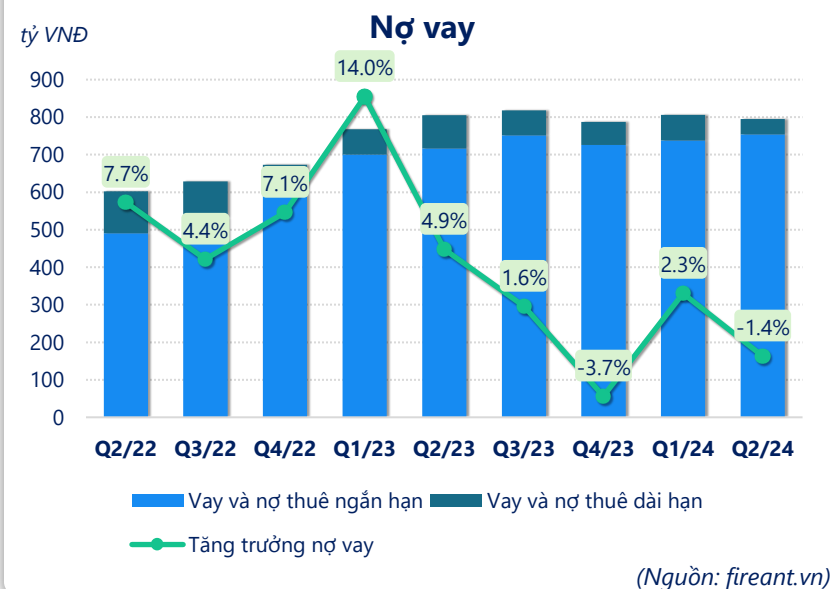
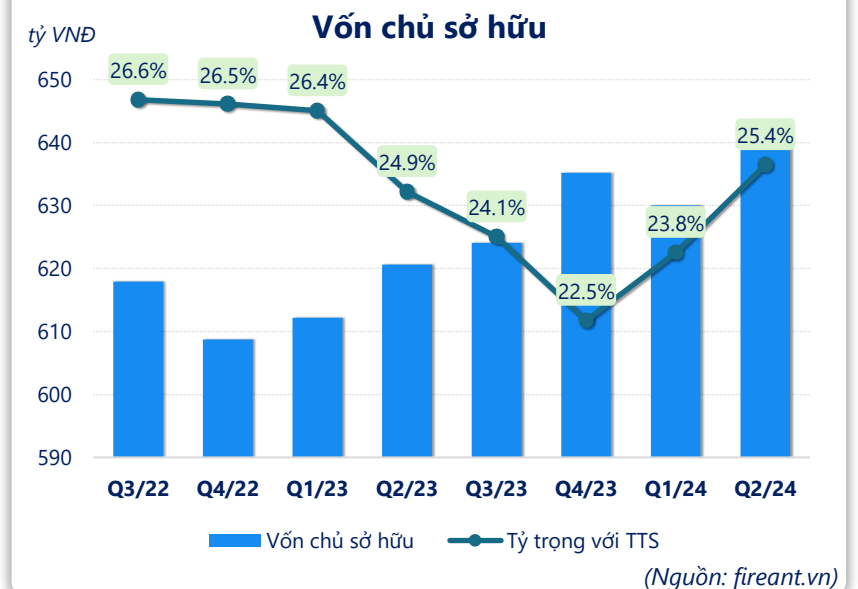
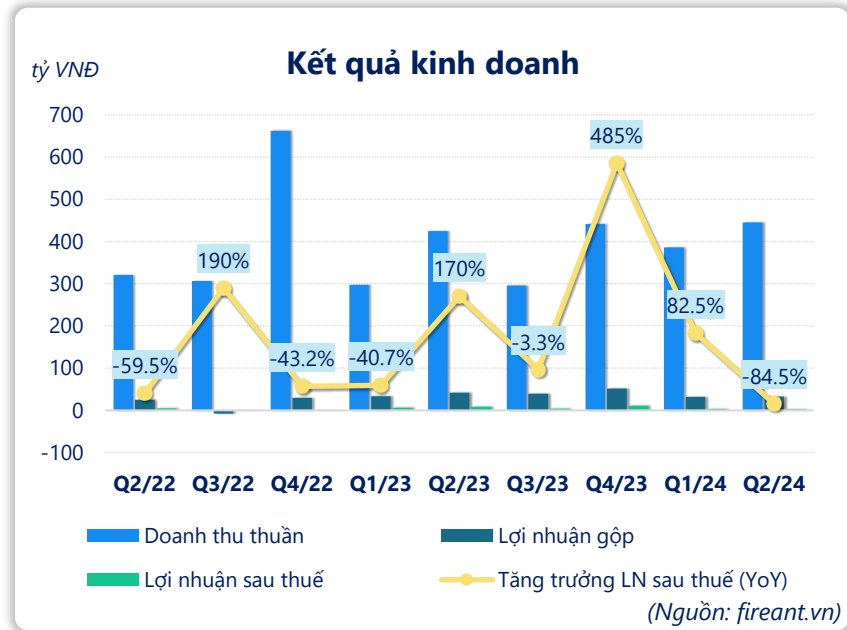
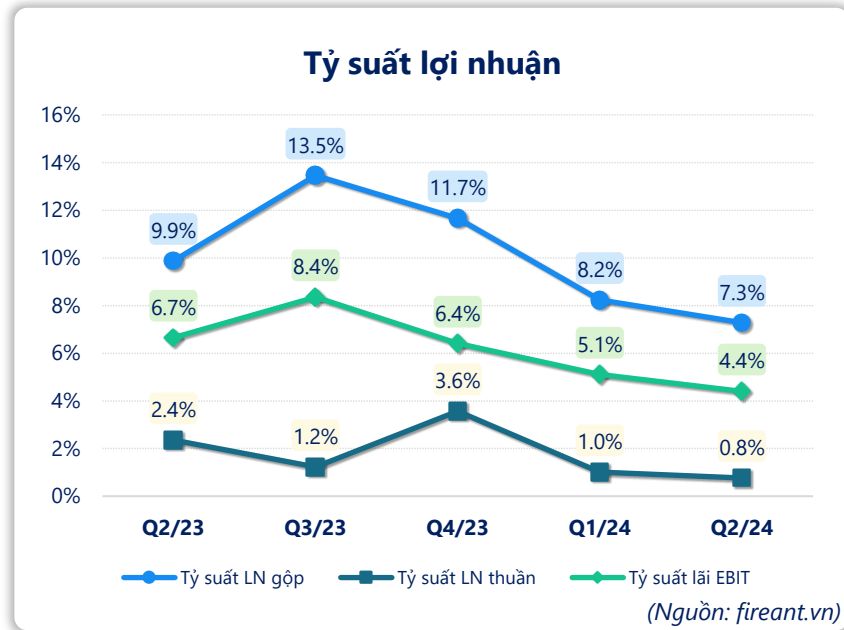
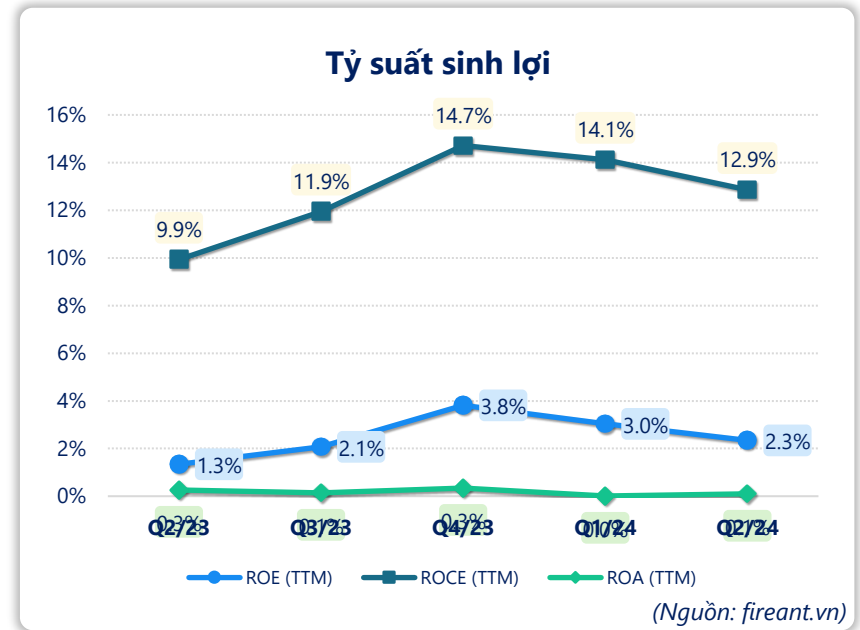
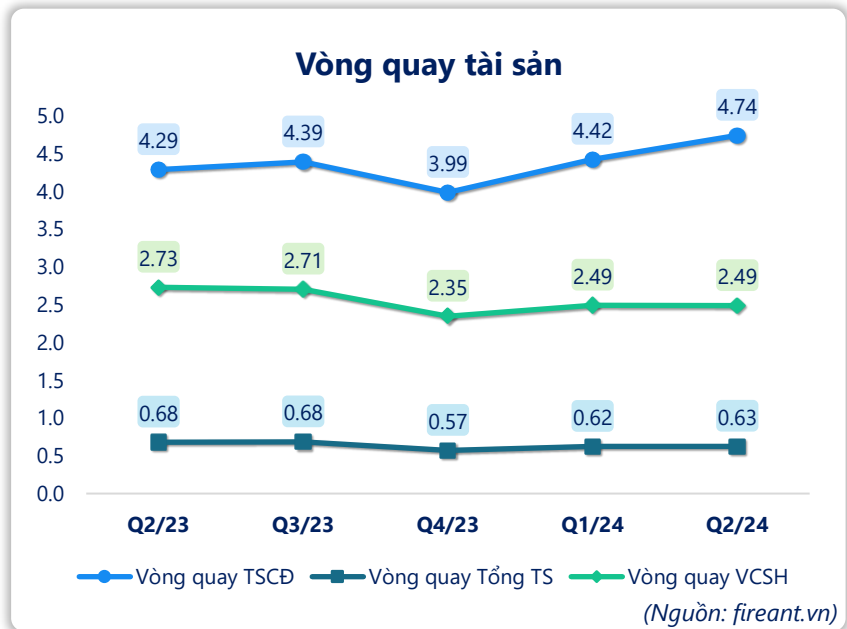
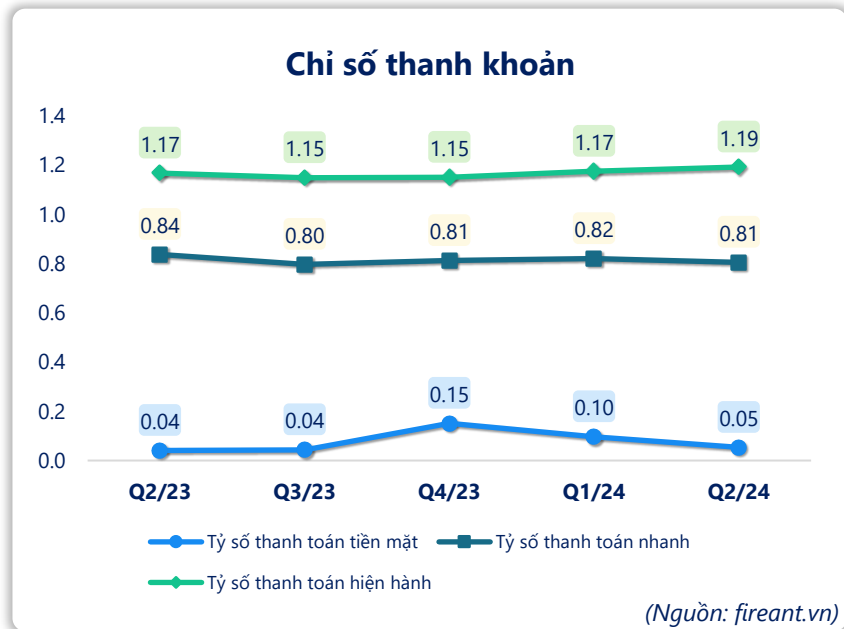
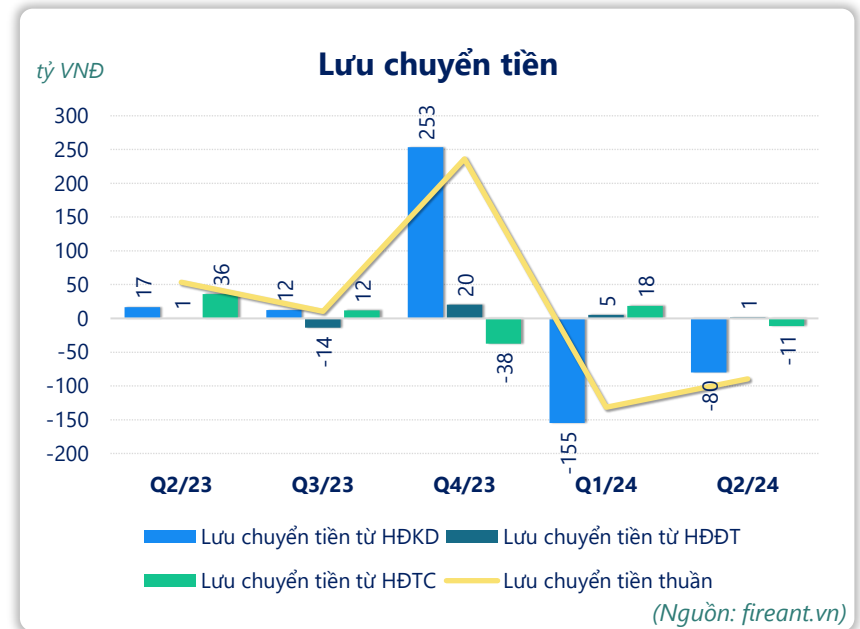


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	8,900	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400	
SL cổ phiếu LH	41,853,700	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,025	
% sở hữu nước ngoài	0.0%	
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	372	
P/E	25.2	
EPS	353	

	YTD	1T	3T	6T
TTL	-4.3%	11.3%	9.9%	9.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,521	2,818	-10.5%
Tài sản ngắn hạn	2,173	2,421	-10.2%
Tiền và tương đương tiền	96.7	318	-69.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.2	61.2	-4.9%
Phải thu ngắn hạn	1,200	1,221	-1.8%
Hàng tồn kho	705	712	-0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	113	109	4.1%
Tài sản dài hạn	348	397	-12.3%
Phải thu dài hạn	0.12	0.36	-65.2%
Tài sản cố định	292	338	-13.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.19	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	48.2	44.9	7.3%
Tài sản dài hạn khác	7.29	13.0	-43.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,880	2,183	-13.9%
Nợ ngắn hạn	1,824	2,106	-13.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	754	726	3.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	385	416	-7.4%
Nợ dài hạn	56.7	77.4	-26.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.4	61.1	-33.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	641	635	0.9%
Vốn chủ sở hữu	641	635	0.9%
Vốn điều lệ	419	419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	425	296	442	386	445
Giá vốn hàng bán	383	256	390	355	413
Lợi nhuận gộp	42.0	39.8	51.5	31.8	32.4
Doanh thu HĐTC	3.21	0.38	1.78	1.07	2.22
Chi phí TC	18.3	20.6	15.2	15.6	16.6
Chi phí lãi vay	18.1	20.5	14.8	15.6	16.6
LN trong công ty LKLD	0	0	4.98	1.40	1.87
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.05
Chi phí QLDN	16.9	15.9	27.3	14.8	16.4
LN thuần từ HĐKD	9.99	3.62	15.7	3.90	3.41
Lợi nhuận khác	0.16	0.60	-2.23	0.24	-0.45
LN trước thuế	10.2	4.22	13.5	4.14	2.96
Lợi nhuận sau thuế	8.67	3.57	10.7	3.44	2.73
LNST của CĐ cty mẹ	6.52	3.35	8.73	0.26	2.44

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.7	12.4	253	-155	-79.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.52	-13.9	20.4	5.07	1.45
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.1	11.8	-37.5	18.4	-11.2
Tiền đầu kỳ	18.2	71.5	82.1	318	186
Lưu chuyển tiền thuần	53.3	10.3	236	-132	-89.7
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.10	0.13	-0.02	0.02
Tiền cuối kỳ	71.5	82.1	318	186	96.7

(Nguồn: fireant.vn)